TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày 07 – 3 - 2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ưng

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh B, địa chỉ: Số 06, ngõ 31, đường Nguyễn N, quận C, Hà Nội - có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Kiều H1, địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đậu Đình H, địa chỉ: Bon S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Minh K– Luật sư Văn phòng luật sư Khang Huy thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông, đường Tôn Đức Thắng, tổ 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị B1, địa chỉ: Bon S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt

- Bà Đậu Thị H1, địa chỉ: Thôn 4 (bon Laladạ), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Phạm Ngọc T, địa chỉ: Thôn 2 (bon Phi Mur), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Anh Lâm Văn X, địa chỉ: Thôn 2 (bon Phi Mur), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

- Ông K, địa chỉ: Thôn 2 (bon Phi Mur), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Khoảng năm 1996 bà B vào Đắk Nông theo diện đi kinh tế mới của Nhà nước, sau khi vào Đắk Nông bà xin vào làm văn thư –tạp vụ tại Lâm trường xã Q, trong thời gian làm việc tại Q, bà có khai hoang được một lô đất tại thôn 2, xã Q, thửa đất khai hoang có diện tích 4070m^2, có tứ cận phía trước giáp đường đất, phía sau giáp rừng, hai phía hông giáp đất của ai bà không rõ, sau khi khai hoang, do có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tập trung nên bà làm đơn đăng ký và năm 1997 bà Trần Thị Thanh B được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông (nay là huyện Đắk Glong), tỉnh Đắk Nông cấp cho thửa đất số 55a, diện tích 4070m^2 tại xã Q, huyện Đ, số giấy chứng nhận K481414, do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông cấp ngày 29-9-1997, sau khi được cấp giấy chứng nhận, bà B chuyển về Hà Nội sinh sống cuối năm 1997, trước khi về quê bà có nhờ chị Đậu Thị H1 (thời điểm này chị H1 đang thuê đất của Lâm trường Q) trông coi đất. Cuối tháng 9/2020 bà yêu cầu anh H trả lại thửa đất trên tuy nhiên anh H không trả và giả mạo giấy chuyển nhượng của bà và cho rằng bà đã chuyển nhượng thửa đất trên, anh H tự ý liên hệ UBND huyện Đắk Nông để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do yêu cầu anh H trả đất nhưng không trả, bà đã làm đơn gửi đến UBND xã Q hòa giải nhưng không thành, bà Làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong buộc anh H phải trả lại thửa đất số 55a, diện tích 4070m^2; buộc anh H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K481414, ngày 29-9-1997 cho bà.

- *Bị đơn, anh Đậu Đình H trình bày:* Năm 1997 gia đình anh có nhận chuyển nhượng của ông K'B một lô đất với diện tích 3.600m^2, giá tiền nhận chuyển nhượng là 360.000 đồng, hai bên có lập giấy chuyển nhượng viết tay, có xác nhận của chính quyền địa phương, đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình anh đã trồng cà phê và các loại cây ăn trái, năm 2001 gia đình anh làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất với diện tích 1792m^2. Năm 1998 gia đình anh có nhận chuyển nhượng thêm phần đất của bà B (phần đất này nằm tiếp giáp với phần đất gia đình anh nhận chuyển nhượng từ ông K'B), thửa đất nhận chuyển nhượng có diện tích hơn 4000m^2 với giá tiền là 600.000 đồng nhưng không ghi trên giấy chuyển nhượng, khi chuyển nhượng có lập giấy viết tay, không đề ngày tháng, chữ ký và chữ viết trên giấy chuyển nhượng do bà B viết và ký, giấy chuyển nhượng được lập 01 bản giao cho anh H giữ, khi nhận chuyển nhượng trên đất không có tài sản gì, hợp đồng được lập tại Lâm trường Q, có bà Đậu Thị H1 làm chứng, thửa đất chuyển nhượng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà B cung cấp thông tin thửa đất đang làm thủ tục, hai bên T thuận miệng, khi có giấy chứng nhận anh H liên hệ cơ quan có thẩm quyền để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất nhận chuyển nhượng có tứ cận phía trước giáp đường mòn, phía sau giáp rừng (nay là đường vào mỏ đá), phía hông nhìn từ đường xuống bên phải giáp anh T, phía bên trái giáp đất anh nhận chuyển nhượng từ ông K. Năm 2001 thì anh liên hệ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất gia đình anh đã trồng cà phê, một số cây ăn trái, đã xây dựng nhà trên đất, do bà B chuyển về quê, anh không biết cụ thể địa chỉ nơi sinh sống của bà B nên không thể liên hệ để làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tháng 9/2020 anh liên hệ với bà B để làm thủ tục sang tên thì phát sinh tranh chấp, hiện nay bà B khởi kiện, yêu cầu gia đình anh trả lại diện tích đất nhận chuyển nhượng và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh không đồng ý.

- Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị B1 trình bày: Chị đồng ý với ý kiến trình bày của anh Đậu Đình H.

- Ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đậu Thị H1 trình bày: Bà không đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn về việc giao đất cho bà trông coi, bà có chứng kiến việc anh H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị B tại Lâm trường Q, do đó bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền và lợi ích cho anh H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Toà án nhân dân huyện Đắk G'Long đã căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 160, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 30, Điều 73 Luật đất đai năm 1993; các Điều 264, 515, 516, 517, 518, 519 và 520 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Thanh B đối với việc buộc anh Đậu Đình H phải trả lại diện tích đất tranh chấp 4070m^2 đất tọa lạc tại thôn 2 (bon Phi Mur), xã Q Khê, huyện Đắk Glong và yêu cầu buộc anh Đậu Đình H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K481414, thửa đất số 55a, tờ bản đồ số 11 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông cấp ngày 29-9-1997 cho bà Trần Thị Thanh B.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2022 nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Toà án nhân dân huyện Đăk G'long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh B làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H phải trả lại thửa đất số 55a, diện tích 4070m^2 và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K481414, ngày 29-9-1997 cho nguyên đơn. Bị đơn anh Đậu Đình H không đồng ý vì cho rằng diện tích đất này bà B đã chuyển nhượng cho gia đình anh vào năm 1998 và có cung cấp giấy "Đơn chuyển nhượng đất hoa màu" (Bl 210).

[2.2] Tài liệu chứng cứ thể hiện: Diện tích 4070m^2 hiện các bên đang tranh chấp đã được Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Nông (nay là huyện Đắk Glong), tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29-9-1997 theo thửa đất số 55a theo giấy chứng nhận K481414 cho bà Trần Thị Thanh B, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn cũng thừa nhận diện tích đất nêu trên là của nguyên đơn. Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp cho Tòa án giấy sang nhượng đất không thể hiện thời gian, nội dung có thể hiện diện tích khoảng 4000m^2 có xác định vị trí, tứ cận nhưng không thể hiện giá chuyển nhượng. Theo bị đơn xác định thời gian ghi trên giấy chuyển nhượng này là năm 1998, giá chuyển nhượng là 600.000 đồng và

khẳng định chữ viết, chữ ký là do nguyên đơn viết ra nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận đó là chữ ký, chữ viết của mình.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện vị trí, diện tích thửa đất đang tranh chấp có vị trí, tứ cận phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn được cấp và ghi nhận toàn bộ công trình xây dựng, cây trồng gắn liền trên đất là do bị đơn xây dựng, trồng và hiện nay đang quản lý sử dụng. Ngoài ra các bên còn thỏa thuận và giá trị cây trồng và tài sản trên đất có giá trị là 266.342.900 đồng.

[2.3] Rõ ràng bị đơn thừa nhận đất của nguyên đơn, bị đơn đang quản lý, sử dụng đất của nguyên trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ viết giấy tay, không có chứng thực của chính quyền địa phương nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận. Lẽ ra, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình cùng với việc cung cấp chứng cứ là giấy sang nhượng quyền sử dụng đất thì bị đơn phải làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận hiệu lực của hợp đồng giữa các bên để giải quyết trong cùng một vụ án mới toàn diện, khách quan và triệt để. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã hỏi, làm rõ và giải thích cho đương sự thực hiện quyền của mình tuy nhiên bị đơn vẫn xác định không yêu cầu phản tố. Như vậy, Thẩm phán đã thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 198 của Bộ luật TTDS.

[2.4] Về việc thu thập, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm. Với những tài liệu chứng cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn trong khi không đề cập giải quyết và phán quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là không đúng và sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật. Bởi lẽ, theo quyết định của bản án sơ thẩm thì diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc của nguyên đơn không đương nhiên trở thành quyền sử dụng đất của bị đơn, về mặt pháp lý nguyên đơn vẫn là người sử dụng đất theo quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp, cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên và Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn đúng theo quan hệ pháp luật tranh chấp đã xác định và buộc bị đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng và dành quyền khởi kiện của bị đơn đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về tài sản gắn liền trên đất, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, các đương sự đã thỏa thuận giá trị cây trồng, công trình xây dựng gắn liền diện tích đất tranh chấp là 266.342.900 đồng, nguyên đơn thừa nhận do bị đơn tạo dựng và chấp

nhận thanh toán cho bị đơn 266.342.900 đồng là phù hợp nên được chấp nhận. Sau khi thanh toán nguyên đơn được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ cây trồng và công trình gắn liền trên đất theo biên bản thỏa thuận ngày 23/6/2022 giữa các bên.

[2.6]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3]. Từ những vấn đề nhận định và phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng quy định pháp luật nhưng việc thu thập chứng cứ và chứng minh đã được thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn trả lại toàn bộ diện tích 4070m^2, thửa đất số 55a tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận K481414 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông cấp ngày 29-9-1997 và buộc bị đơn giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Đồng thời buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây trồng và công trình xây dựng trên đất theo giá trị tại biên bản thỏa thuận ngày 23/6/2022 và nguyên đơn được quyền sử dụng, sở hưu tài sản trên đất là phù hợp.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đậu Đình H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Trần Thị Thanh B phải chịu 13.317.145 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005769 ngày 17-12-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Bà Trần Thị Thanh B còn phải nộp thêm số tiền 13.017.145 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh B. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số14/2022/DS-ST ngày 22-9-2022 của Toà án nhân dân huyện Đắk G'Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 160, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị Thanh B.

- Buộc anh Đậu Đình H phải trả lại cho bà Trần Thị Thanh B diện tích đất 4070m^2, thửa số 55a, tờ bản đồ số 11 theo giấy chứng nhận số K481414 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông cấp ngày 29-9-1997 đứng tên bà Trần Thị Thanh B, đất tọa lạc tại thôn 2 (bon Phi Mur), xã Q Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đăk Nông.

Có vị trí, tứ cận: Cạnh phía Bắc giáp đường; Cạnh phía Nam giáp thửa 67; Cạnh phía Tây giáp thửa 55 (đất anh H); Cạnh phía Đông giáp thửa 56 (đất anh T).

- Buộc anh Đậu Đình H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K481414 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông cấp ngày 29-9-1997 cho bà Trần Thị Thanh B.

- Buộc bà Trần Thị Thanh B phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đậu Đình H giá trị tài sản gắn liên trên đất là 266.342.900 đồng. Bà Trần Thị Thanh B được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ cây trồng và công trình xây dựng gắn liền trên đất theo biên bản thỏa thuận ngày 23/6/2022.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Anh Đậu Đình H có quyền khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Thanh B bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Đậu Đình H phải chịu 22.200.000 đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định được khấu trừ số tiền 6.600.000 đồng mà anh Đậu Đình H đã nộp tạm ứng. Anh Đậu Đình H còn phải thanh toán cho bà Trần Thị Thanh B 15.600.000 đồng chi phí tố tụng do bà Trần Thị Thanh B đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đậu Đình H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Trần Thị Thanh B phải chịu 13.317.145 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005769 ngày 17-12-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Bà Trần Thị Thanh B còn phải nộp số tiền 13.017.145 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Thanh B được nhận lại 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004305 ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đăk G'long;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Anh Ửng